| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 12 - HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
*(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Thiện

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đặng Viết Côi; Bà Nguyễn Thị Vân.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị L1 - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 14/5/1993; Số CCCD: 001193018230, do Cục trưởng cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 22/9/2022.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T, sinh ngày 16/10/1987; Số CCCD: 001087028157, do Cục trưởng cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 21/02/2019.

Đều HKTT: Đội 8, thôn NX, xã HX, TP. Hà Nội.

*(Các đương sự đều vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày*: chị và anh Nguyễn Tiến T tự

nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện UH (nay là xã HX), thành phố Hà Nội năm 2012. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, phong tục lối sống của hai vợ chồng cũng quá khác nhau; mặc dù gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn được, hai vợ chồng chị cũng sống ly thân đã dược gần 4 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh T nữa, chị không muốn tiếp tục cuộc sống như này nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: anh chị có 02 con chung: Nguyễn H TM, sinh ngày 14/9/2012 và Nguyễn PH M, sinh ngày 18/6/2016. Cả hai cháu đều ở với chị từ bé cho đến nay. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Tiến T: Không có ý kiến trình bày gì.*

*Tại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị L1 là bố mẹ đẻ anh T trình bày*: ông bà là bố đẻ anh Nguyễn Tiến T. Về mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh T cụ thể như nào ông bà không nắm rõ, ông bà cũng không can thiệp sâu vào chuyện của các con. Chị H đã bỏ đi khỏi nhà ông bà mấy năm nay, đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh T. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, quan điểm ông bà đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết. Chị H và anh T có 02 con chung: Nguyễn H TM, sinh ngày 14/9/2012 và Nguyễn PH M, sinh ngày 18/6/2016. Anh T – con trai ông bà làm lao động tự do, cụ thể làm ở đâu ông bà không rõ. Ông bà đã thông báo cho anh T biết về việc chị H nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, nhưng vì công việc bận, lại ở xa  nên anh T xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án, xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Tòa cứ giải quyết theo pháp luật. Anh T có đăng ký thường trú và sống cùng nhà với ông bà. Ông bà nhận trách nhiệm giao lại các văn bản tố tụng của tòa án cho anh T ngay trong ngày. Ông bà xin vắng mặt các buổi làm việc khác của tòa án, xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án vì việc này không liên quan đến ông bà.

*Tại biên bản xác minh tại UBND xã Hòa Xá, Công an xã Hòa Xá thể hiện*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1987 tại UBND xã VT, huyện UH (nay là xã HX) thành phố Hà Nội, ngày 27/4/2012; Sau khi kết hôn chị H chuyển về sinh sống tại nhà anh T ở đội 8, thôn NX, xã HX, thành phố Hà Nội. Về mâu thuẫn vợ chồng chị H anh T cụ thể như nào chính quyền địa pH không nắm được. Chỉ biết thông qua dư luận quần chúng nhân dân hiện chị H và anh T đang sống ly thân. Chị H và anh T có 02 con chung: Nguyễn H TM, sinh ngày 14/9/2012 và Nguyễn PH M, sinh ngày 18/6/2016. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, quan điểm chính quyền địa pH: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nơi cư trú của anh T: anh T có nơi đăng ký thường trú tại đội 8, thôn NX, xã HX, thành phố Hà Nội. Anh T sống cùng nhà với bố đẻ là ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị L1.

** Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T; giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H cho đến khi có sự thay đổi mới hoặc có đề nghi khác; chị H nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị H làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Tiến T là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: thôn NX, xã Hòa Xá, TP. Hà Nội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết theo

đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do; chị H xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện UH (nay là xã HX) thành phố Hà Nội, ngày 27/4/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, phong tục lối sống của hai vợ chồng cũng quá khác nhau; mặc dù gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn được, hai vợ chồng chị cũng sống ly thân đã dược gần 4 năm, không ai quan tâm đến ai. Chị H cương quyết xin được ly hôn với anh T; anh T không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị H là căng thẳng, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Nguyễn H TM, sinh ngày 14/9/2012 và Nguyễn PH M, sinh ngày 18/6/2016. Hiện tại, cả hai con chung đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung; anh T không đến Toà án trình bày quan điểm. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý, môi trường sống của con chung được ổn định, theo nguyện vọng của đương sự và thực tiễn cuộc sống, HĐXX giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; anh T không đến Tòa án trình bày quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

**1.** Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

**2.** Về con chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến T có 02 con chung là: Nguyễn H TM, sinh ngày 14/9/2012 và Nguyễn PH M, sinh ngày 18/6/2016. Sau ly hôn, giao cả hai con chung cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác. Sau ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h- ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con thì ng- ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng- ời đó.Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

**3.** Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011186 ngày 10 tháng 10 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội.

**4.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

**Thành viên Hội đồng xét xử** **Thẩm phán – Hội thẩm nhân dân**

***Nơi nhận:***
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Thiện**